TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09- 4- 2018
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Ánh Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trịnh Thị Như Thoa
Bà Tô Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc,tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Chu Văn S. Nơi cư trú: Số 5, đường P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn "có mặt"

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T. Nơi cư trú: Số 19, ngõ 4, khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2018 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn ông Chu Văn S trình bày:

Ông Chu Văn S và bà Phạm Thị T chung sống với nhau từ năm 1994 tại nhà riêng của bà Phạm Thị T tại địa chỉ: Số nhà 19, khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do thương yêu nhau nên ông S đến ở cùng bà T, hai người không có đăng ký kết hôn và cũng không tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Hai bên chung sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2007 ông S nghỉ hưu, do có thời gian ở gần nhau nhiều hơn nên đã xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Đến tháng 7 năm 2015 ông S đã ra khỏi nhà bà T và cho đến ngày 27 tháng 02 năm 2018 ông S đã chuyển hộ khẩu về địa chỉ: Số 5, đường P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ khi ông S ra khỏi nhà bà T cho đến nay hai người không còn quan tâm đến nhau, xác định tình cảm không còn tuy không có đăng ký kết hôn nhưng ông S mong muốn được Tòa án ra bản án không công nhận ông S và bà T là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị T thừa nhận Chu Văn S trình bày về quan hệ tình cảm giữa hai người, thời gian chung sống và các quan hệ về con chung, tài sản chung và nợ chung đều đúng. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai người bà T cho rằng ông Chu Văn S không chung thủy nên dẫn đến tình cảm hai người bị đổ vỡ. Nay bà T xác định tình cảm gữa hai người không còn nên cũng đồng ý với yêu cầu của ông Chu Văn S là đề nghị Tòa án ra bản án không công nhận hai người là vợ chồng, ngoài ra bà T không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án thuộc trường hợp không được hòa giải.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 bà Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Chu Văn S, nội dung khác không có yêu cầu gì cụ thể đã có lời khai tại Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành đúng nọi quy phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử, xử không công nhận ông Chu Văn S và bà Phạm Thị T là vợ chồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Ông Chu Văn S và bà Phạm Thị T không phù hợp pháp luật: Hai người chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Do việc chung sống với nhau không tuân thủ việc đăng ký kết hôn theo theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông Chu Văn S và bà Phạm Thị T không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông Chu Văn S có yêu cầu ly hôn Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên không công nhận quan hệ giữa ông Chu Văn S và bà Phạm Thị T là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Chu Văn S và bà Phạm Thị T khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Chu Văn S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05075 ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Chu Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Chu Văn S và bà Phạm Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Chu Văn S và bà Phạm Thị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Chu Văn S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05075 ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Chu Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Chi cục THA dân sự huyện Cao Lộc;
- UBND thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND phường C, Tp L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bạch Ánh Tuyết.